

Tiểu học Jim Thorpe Fundamental

2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

Tổng quan

Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Tiểu học Jim Thorpe Fundamental
Đường	2450 West Alton Avenue
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	Santa Ana, CA 92704
Số điện thoại	(714) 430-5800
Hiệu trưởng	Meg Greene
Địa chỉ Email	meg.greene@sausd.us
Trang web của Trường	https://www.sausd.us/thorpe
Mã Học khu của Quận (CDS)	30-66670-6116917

Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	Học khu Thống nhất Santa Ana
Số điện thoại	714-558-5501
Giám đốc	Jerry Almendarez
Địa chỉ Email	jerry.almendarez@sausd.us
Website Học khu	www.sausd.us

Tổng quan trường học năm học 2022-23

Trường Tiểu Học Jim Thorpe Fundamental (Thorpe Fundamental) nằm trên đường West Alton Avenue giữa Đường South Greenville và South Raitt. Thorpe Fundamental là trường tự chọn; học sinh cư trú trong phạm vi ranh giới theo học của học khu đều đủ điều kiện để đăng ký thông qua hệ thống quay số. Được thành lập bởi các phụ huynh học sinh, những người đang tìm kiếm chương trình giáo dục truyền thống cho con em họ, chương trình theo tiêu chuẩn của Thorpe Fundamental tập trung vào chủ đề Học sinh vào Đại học.

Tầm nhìn Nhà trường

Tầm nhìn của chúng tôi tại Jim Thorpe là chuẩn bị cho tất cả các học sinh các kỹ năng cần thiết để trở thành người có tư duy phản biện và nhà lãnh đạo có đạo đức, là tác nhân cho những thay đổi tích cực trong thế kỷ 21

Sứ mệnh Nhà trường

Nhiệm vụ của chúng tôi tại Jim Thorpe là sử dụng Tam giác thành tích; học sinh, phụ huynh và nhân viên, phối hợp để đào tạo thế hệ học sinh đáng tôn trọng, có trách nhiệm và đầy tự hào. Ngoài ra, các cuộc hội thoại theo hướng dữ liệu sẽ giúp xác định và cải thiện các lỗ hổng học tập để nâng cao thành tích của học sinh. Hệ thống hỗ trợ nhiều tầng sẽ đóng vai trò là cơ sở hạ tầng cung cấp cho các bên liên quan của chúng tôi môi trường học đường tích cực. Môi trường này sẽ giúp học sinh của chúng tôi nắm bắt tư duy phát triển lành mạnh sẽ mang lại lợi ích cho họ về mặt học tập, hành vi và tình cảm xã hội, đồng thời sẽ chuẩn bị cho họ vào đại học và tìm kiếm công việc.

Giới thiệu về Trường

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023	
Cấp lớp	Số Học sinh
Mẫu giáo	159
Lớp 1	143
Lớp 2	117
Lớp 3	137
Lớp 4	150
Lớp 5	152
Tổng Ghi danh	858

Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23	
Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	49.4
Nam	50.6
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.1
Người gốc Châu Á	6.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	0.9
Người Phi Luật Tân	0.5
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	87.3
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	2.6
Người Da trắng	2.6
Sinh viên nói tiếng anh	26.9
Những đứa con nuôi	0.2
Vô gia cư	2.4
Nhập cư	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	42.0
Học sinh khuyết tật	8.9

A. Điều kiện Học tập

Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	32.00	100.00	1683.40	86.66	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	7.30	0.38	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	56.10	2.89	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	0.00	0.00	17.70	0.91	12115.80	4.41
Không xác định	0.00	0.00	177.80	9.16	18854.30	6.86
Tổng số vị trí giảng dạy	32.00	100.00	1942.60	100.00	274759.10	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	33.30	97.09	1778.10	86.59	234405.20	84.00
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	0.00	0.00	10.70	0.52	4853.00	1.74
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	0.00	0.00	113.70	5.54	12001.50	4.30
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.00	2.91	23.50	1.15	11953.10	4.28
Không xác định	0.00	0.00	127.30	6.20	15831.90	5.67
Tổng số vị trí giảng dạy	34.30	100.00	2053.50	100.00	279044.80	100.00

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	0.00	0.00
Bổ nhiệm sai	0.00	0.00
Các vị trí còn trống	0.00	0.00
Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai	0.00	0.00

Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.00	1.00
Tùy chọn phân công nội bộ	0.00	0.00
Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn	0.00	1.00

Phân công lớp học năm học 2021 – 2022

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	0.00	0.00
Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	0.00	0.00

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác

Toàn bộ sách giáo khoa sử dụng trong các chương trình giảng dạy chính trên toàn Học khu Thống nhất Santa Ana đều tuân thủ các Khung chương trình và Tiêu chuẩn nội dung của California. Tài liệu giảng dạy cho các lớp K-8 được lựa chọn từ danh mục tài liệu dựa trên tiêu chuẩn của tiểu bang và được Hội đồng Giáo dục Tiểu bang thông qua. Tài liệu giảng dạy cho lớp 9-12 là tài liệu dựa trên tiêu chuẩn và đã được Hội đồng Ủy thác của học khu phê chuẩn. Vào ngày 27 tháng 9 năm 2022, Hội đồng Ủy thác của Học khu Thống nhất Santa Ana đã tổ chức một phiên tham vấn công khai để chứng nhận phạm vi cung cấp sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy cho học sinh. Hội đồng Ủy thác đã thông qua Nghị quyết Số 22/23-3481 chứng nhận theo yêu cầu của Bộ luật Giáo dục §60119 rằng trong năm học 2022-2023, Học khu Thống nhất Santa Ana đã cung cấp đủ sách giáo khoa hoặc tài liệu giảng dạy, hoặc cả hai, phù hợp với nội dung và các chu kỳ của khung chương trình giảng dạy mà Hội đồng Tiểu bang đã thông qua, cho mỗi học sinh bao gồm cả những học sinh đã đăng ký khóa học về ngoại ngữ hoặc sức khỏe, và rằng tất cả học sinh từ lớp 9-12 đều được sử dụng đầy đủ thiết bị thí nghiệm khoa học dành cho các khóa học cần sử dụng phòng thí nghiệm khoa học.

Tháng, năm thu thập dữ liệu		Ngày 27 tháng 9 năm 2022	
Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
Độc/Ngôn ngữ	Benchmark Education Company, Benchmark Advance	Có	0
Toán	Houghton-Mifflin, Expressions	Có	0
Khoa học	MacMillian/McGraw Hill California Science	Không	0
Lịch sử-Khoa học Xã hội	Scotts Foresman	Không	0

Tình Trạng Cơ Sờ Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

Nhân viên trông coi trường và bộ phận bảo trì của học khu sẽ phối hợp để đảm bảo rằng lớp học và khuôn viên trường được bảo quản tốt, an toàn và thuận tiện cho học sinh, nhân viên và khách đến thăm. Bộ phận Bảo trì và Vận hành (M&O) đưa vào sử dụng hệ thống yêu cầu xử lý điện tử để giúp nhân viên trong trường liên hệ nếu có nhu cầu bảo trì không theo kế hoạch, sửa chữa gấp, hoặc kế hoạch đặc biệt. Đa số các dự án bảo trì và sửa chữa của nhà trường đều được thực hiện bởi các chuyên gia chuyên nghiệp, trình độ cao của học khu. Trong trường hợp khẩn cấp, nhân viên trông coi của nhà trường hoặc nhân viên bảo trì của học khu sẽ xử lý ngay lập tức, tùy thuộc vào tính chất của từng trường hợp. Nhân viên trông coi ban ngày và buổi tối phối hợp chặt chẽ với nhau và với hiệu trưởng để bảo trì định kỳ, nhiệm vụ trông nom hàng ngày và chuẩn bị cho các sự kiện đặc biệt. Hiệu trưởng và nhân viên trông coi ban ngày sẽ trao đổi hàng ngày để thảo luận về các nhu cầu dọn dẹp và các công việc an toàn. Mỗi buổi sáng trước giờ học, nhân viên trông coi, hiệu trưởng và trợ lý hiệu trưởng sẽ kiểm tra cơ sở vật chất xem có nguy cơ an toàn, tranh vẽ graffiti, và các điều kiện khác mà cần loại bỏ hay không trước khi học sinh và nhân viên vào trường. Ưu tiên cao nhất của nhân viên trông coi là đảm bảo trường học được sạch sẽ và an toàn. Đây là một phần quan trọng trong công việc hàng ngày của họ. Nhân viên trông coi được quản lý của bộ phận M&O đào tạo về quy trình dọn dẹp thích hợp, sử dụng hóa chất, và sử dụng trang thiết bị. Nhân viên trông coi ban ngày phải có trách nhiệm tuân thủ bộ tiêu chuẩn dọn dẹp đã được xây dựng và quy trình ưu tiên đối với công việc bảo trì chung trong khuôn viên. Nhân viên trông coi ban ngày phải chủ động kiểm tra các phòng vệ sinh 2 lần/ngày để đảm bảo rằng phòng gọn gàng, an toàn và vệ sinh. Nhân viên trông coi buổi tối có trách nhiệm dọn dẹp toàn bộ các lớp học, khu vực văn phòng và phòng vệ sinh. Nhân viên trông coi sân vườn được văn phòng học khu cử đến để thực hiện công tác bảo trì chung như tạo cảnh quan, làm vườn, sân thể thao và hệ thống tưới nước.

Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:				Ngày 7 tháng 7 năm 2022
Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
Hệ thống: Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cổng rãnh	X			
Bên trong: Các Bề Mặt Bên trong	X			
Sạch Sẽ: Sự Sạch Sẽ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
Điện	X			
Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy: Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			
Bảo vệ: An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			
Cấu Trúc: Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
Bên Ngoài: Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể			
Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
X			

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Độc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Văn Chương Anh Ngữ/Độc Viết (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	48	Không có thông tin	31	Không có thông tin	47
Toán (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	38	Không có thông tin	19	Không có thông tin	33

2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	437	435	99.54	0.46	47.59
Nữ	214	212	99.07	0.93	48.58
Nam	223	223	100.00	0.00	46.64
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.00	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	28	28	100.00	0.00	78.57
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	386	384	99.48	0.52	44.27
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.00	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	87	87	100.00	0.00	24.14
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	12	12	100.00	0.00	58.33
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	268	268	100.00	0.00	42.54
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0.00	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	37	37	100.00	0.00	24.32

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thăm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thăm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	437	435	99.54	0.46	37.93
Nữ	214	212	99.07	0.93	33.49
Nam	223	223	100.00	0.00	42.15
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.00	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	28	28	100.00	0.00	75.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	386	384	99.48	0.52	34.38
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.00	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	87	87	100.00	0.00	18.39
Những đứa con nuôi	--	--	--	--	--
Vô gia cư	12	12	100.00	0.00	25.00
Quốc phòng	0	0	0.00	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	268	268	100.00	0.00	35.07
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0.00	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	37	37	100.00	0.00	24.32

Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Khoa học (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	26.17	16.34	15.3	28.5	29.47

Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
Bất kỳ học sinh	150	149	99.33	0.67	26.17
Nữ	70	69	98.57	1.43	26.09
Nam	80	80	100	0	26.25
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0	0	0
Người gốc Châu Á	12	12	100	0	75
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	--	--	--	--	--
Người Phi Luật Tân	--	--	--	--	--
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	127	126	99.21	0.79	19.84
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0	0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	20	20	100	0	0
Những đứa con nuôi	0	0	0	0	0
Vô gia cư	--	--	--	--	--
Quốc phòng	0	0	0	0	0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	91	91	100	0	21.98
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0	0
Học sinh khuyết tật	--	--	--	--	--

B. Các Kết Quả Của Học Sinh:	Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.
-------------------------------------	---

Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022					
Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.					
Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	97.9	99.3	99.3	99.3	99.3

C. Tham Gia	Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.
--------------------	--

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023
Phụ huynh được khuyến khích tham gia vào cộng đồng học tập của trường Tiểu học Thorpe Fundamental bằng cách tự nguyện dành thời gian, tham gia các sự kiện của nhà trường hoặc chia sẻ quá trình ra quyết định. Nhà trường luôn hoan nghênh mọi hoạt động hỗ trợ lớp học, thư viện/trung tâm truyền thông và các chuyến tham quan thực tế. Trường tiểu học Thorpe Fundamental tạo nhiều cơ hội để phụ huynh học sinh tương tác với nhân viên nhà trường khi hỗ trợ nỗ lực học hành của con cái họ; những cơ hội này có thể bao gồm: - Họp phụ huynh trực tuyến hàng tháng và cuộc họp ELAC trực tuyến với Hiệu trưởng - Phụ huynh xem xét dữ liệu của trường và quyết định chủ đề để phát triển dựa trên dữ liệu của nhà trường. - Phụ huynh cung cấp thông tin về chủ đề được đề cập trong cuộc họp phụ huynh hàng tháng - Buổi họp tối Đi học lại - Tham quan lớp học - Buổi biểu diễn do học sinh tổ chức - Các chương trình gây quỹ - Buổi biểu diễn âm nhạc/hợp xướng - Công việc tình nguyện tại lớp học và ký túc - Các hoạt động lên lớp 5 - Hội đồng tuyên dương học sinh - Hội thảo và hoạt động đào tạo về giáo dục cho phụ huynh - Trung tâm thể chất – Nơi kết nối trực tiếp giữa phụ huynh và cộng đồng

Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Các tổ chức tại khu trường sở sau đây tạo điều kiện cho các phụ huynh đưa ra phản hồi về các chương trình giảng dạy và hoạt động, thiết kế Kế hoạch của Nhà trường:

- Hội đồng trường sở
- Hội đồng tư vấn ngôn ngữ tiếng Anh (ELAC)
- Hội giáo viên và phụ huynh (PTA)

Các phụ huynh tìm kiếm thêm thông tin về cách trở thành thành viên tích cực trong cộng đồng trường học có thể liên hệ với hiệu trưởng hoặc trợ lý hiệu trưởng theo số (714) 430-5800.

Hoạt động liên lạc giữa nhà trường và gia đình được cung cấp bằng cả tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha. Phụ huynh được thông báo về các thông tin trong trường, hoạt động dành cho học sinh, thời khóa biểu, những thay đổi trong chính sách cùng các thông tin cập nhật về chương trình lớp học thông qua thư từ định kỳ và các thông báo đặc biệt. Danh sách sau đây liệt kê các phương thức phổ biến thông tin liên lạc cho phụ huynh.

- Hệ thống gửi tin nhắn ParentSquare
- Hiệu trưởng và/hoặc Trợ lý Hiệu trưởng gọi điện/gửi lời mời riêng tới phụ huynh
- Trang web của nhà trường
- Kênh dịch vụ công cộng 31 hoặc 51
- Báo của nhà trường và/hoặc lớp
- Tờ rơi
- Thư
- Mái che/Biểu ngữ của nhà trường
- Định hướng cho học sinh mới
- Email
- Gọi điện

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Tỷ Lệ Bỏ Học					2.6	3.7		8.9	7.8
Tỷ Lệ Tốt Nghiệp					91.4	92.4		84.2	87

Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp.

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bắt kỳ học sinh	0	0	0.0
Nữ	0	0	0.0
Nam	0	0	0.0
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0	0	0.0
Người gốc Châu Á	0	0	0.0
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0	0	0.0
Người Phi Luật Tân	0	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0	0	0.0
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chung tộc	0	0	0.0
Người Da trắng	0	0	0.0
Sinh viên nói tiếng anh	0	0	0.0
Những đứa con nuôi	0	0	0.0
Vô gia cư	0	0	0.0
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0	0	0.0
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	0	0	0.0

Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bắt kỳ học sinh	874	868	278	32.0
Nữ	431	430	144	33.5
Nam	443	438	134	30.6
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	1	1	0	0.0
Người gốc Châu Á	52	52	2	3.8
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	8	8	6	75.0
Người Phi Luật Tân	4	4	0	0.0
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	763	758	255	33.6
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	0	0	0	0.0
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	22	22	7	31.8
Người Da trắng	23	22	7	31.8
Sinh viên nói tiếng anh	236	236	79	33.5
Những đứa con nuôi	7	7	2	28.6
Vô gia cư	39	39	13	33.3
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	538	533	171	32.1
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	0	0	0	0.0
Học sinh khuyết tật	94	93	36	38.7

C. Tham Gia

Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	0.22	2.24	2.45
Đuổi học	0.00	0.04	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	0.11	0.02	3.55	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.00	0.00	0.03	0.00	0.07

Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	0.11	0.00
Nữ	0.00	0.00
Nam	0.23	0.00
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	0.00	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	0.00	0.00
Người Phi Luật Tân	0.00	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	0.00	0.00
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	4.55	0.00
Người Da trắng	0.00	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	0.00	0.00
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	0.00	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	0.19	0.00
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	0.00	0.00

Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Ngày phê duyệt Kế hoạch an toàn: 10/2/2022

Nhà trường đã phối hợp cùng cơ quan thi hành pháp và Văn phòng Học khu để xây dựng Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) nhằm thực hiện các yêu cầu của Dự Luật 187. CSSP được quản lý bởi Học khu thông qua hệ thống Theo dõi Tài liệu. Kế hoạch mới nhất của nhà trường đã được rà soát và cập nhật để giải quyết các vấn đề về an toàn, an ninh và sự chuẩn bị cho tình huống khẩn cấp. Nhà trường cần phải rà soát và cập nhật Kế hoạch An toàn Trường học Toàn diện (CSSP) của mình cùng với các Hội đồng Khu Trường học và/hoặc Ủy ban An toàn. Mỗi trường học cũng phải gặp gỡ Phòng cảnh sát Học khu Thống nhất Santa Ana hàng năm để thảo luận về quyền ra/vào, dữ liệu tội phạm và các yếu tố khác liên quan đến Phòng ngừa Tội phạm Thông qua Thiết kế Môi trường (CPTED).

D. Thông Tin Khác của SARC

Thông tin cần có trong SARC

Thông tin trong mục này phải có trong SARC nhưng không được bao gồm trong các ưu tiên của tiểu bang đối với LCFF.

2019-20 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	23		6	
1	26		5	
2	27		5	
3	30		5	
4	28		6	
5	33		1	1
6				

2020-21 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Các lớp học với quy mô nhỏ	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	23	1	6	
1	29		4	
2	28		5	
3	28		5	
4	31		5	
5	34		5	1
6				

2021-22 Tiểu Học)Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Sĩ Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Mục “Các lớp khác” dành cho lớp đa cấp.

Cấp lớp	Trung Bình Quy mô lớp học	Số lớp có 1-20 học sinh	Số lớp có 21-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Mẫu giáo	14	6	5	
1	14	4	6	
2	15	4	4	
3	15	4	5	
4	19	3	5	
5	15	5	5	
6				

Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	0

Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	

Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$7,381.20	\$777.06	\$6,604.15	\$107,649.33
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,279	\$99,342
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-9.7	10.6
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$85,368
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	-24.5	23.9

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

- 21st Century ASSETS
- Trung tâm Học tập Cộng đồng Thế kỷ 21
- Giáo dục và An toàn Sau giờ học (ASES)
- Chương trình Thí điểm Giảng dạy Kids Code Sau giờ học
- AVID-OCDE Destination Graduation
- Đạo luật Nghề nghiệp Năng lượng Sạch California
- California Partnership Academies
- Chương trình Tác giả Học sinh California
- CalOptima - Chương trình và Dịch vụ Chăm sóc Cơ bản giúp Giải quyết các Yếu tố Xã hội Quyết định Sức khỏe
- Mạng lưới Lãnh đạo CAPP tại SAHS
- Carl D Perkins Mục 131 về Giáo dục Kỹ thuật và Nghề nghiệp
- Circulo
- Tài trợ Khối Phát triển Chuyên nghiệp cho Nhân viên Nhà trường đã Phân loại
- Mạng lưới Cộng tác với các giáo viên giảng dạy từ lớp 3 đến lớp 5 về Tư duy Tính toán cho Học sinh học Tiếng Anh
- Chương trình Phòng chống Bạo lực Học đường của Văn phòng Dịch vụ Cảnh sát Cộng đồng (COPS)

Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

- Quỹ cứu trợ Coronavirus
- CTE Incentive Grant Program
- Education for Homeless Children and Youth
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học I
- Quỹ cứu trợ khẩn cấp trường tiểu học và trung học II
- Sáng kiến Hứa hẹn của Phụ huynh ePrize
- Tiêu đề IV, Phần A của Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học (ESSA), Hỗ trợ Sinh viên và Tài trợ Bồi dưỡng Học tập
- Đạo luật Giáo dục Tiểu học và Trung học: Quỹ tài trợ CSI LEA
- Quỹ cứu trợ Giáo dục Khẩn cấp của Thống đốc
- Head Start
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nông cốt K12 (từ OCDE)
- Cải thiện Lộ trình Chương trình Lực lượng Lao động Nông cốt K12
- Chương Trình Sẵn Sàng Cho Mẫu Giáo II
- Dự án Lighthouse Academy - Sáng kiến CTE của Thống đốc: CA Partnership Academies
- Xổ số: Tài liệu Giảng dạy
- Tài trợ Khỏi Học sinh có Thành tích Kém
- Tùy chọn Thanh toán Medi-Cal
- Giáo dục cho người nhập cư
- Trung tâm Oasis Quốc tế (OCI)
- Tổ chức Tài trợ OCDE TUPE
- Kế khai Bảo Trì Liên Tục và Sửa chữa lớn
- Dự luật 98 về Quỹ Giảm thiểu Mất mát trong Học tập
- SB117 COVID-19 Quỹ ứng phó LEA
- Giáo dục đặc biệt
- Tài trợ SUMS (Mở rộng hệ thống hỗ trợ đa tầng)
- Các chương trình bổ sung-Chương trình Trung Học Chuyên Nghiệp (Specialized Secondary)
- Tiêu đề I, Phần A
- Tiêu đề III Chương trình giáo dục cho người nhập cư
- Tiêu đề III Chương trình LEP cho học sinh không thành thạo tiếng Anh
- Tiêu đề II-Phần A Cải thiện chất lượng giáo viên-----

Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$60,304	\$51,081
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$90,222	\$77,514
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$116,846	\$105,764
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Tiểu Học)	\$147,227	\$133,421
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học Cơ Sở)	\$140,656	\$138,594
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trường (Trung Học)	\$163,083	\$153,392
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$350,000	\$298,377
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	33%	32%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	4%	5%

Phát triển Chuyên môn

Các hoạt động phát triển chuyên môn (PD) tại Học khu Thống nhất Santa Ana tập trung vào công tác nâng cao thành tích và kiến thức của học sinh. Mục tiêu của chương trình phát triển chuyên môn sẽ do Học khu lựa chọn và quyết định dựa trên kết quả đánh giá học sinh, đầu vào giáo viên, Tiêu chuẩn Cốt lõi Chung của Tiểu bang, khảo sát phát triển chuyên môn và các sáng kiến học khu. Trong năm học 2021-2022, nhân viên nhà trường đã tham gia 16 buổi phát triển chuyên môn do nhà trường cung cấp dưới hình thức hội thảo sau giờ học, các buổi tập trung cấp lớp học và cố vấn cá nhân.

Đối với năm học 2022-23, nhóm lãnh đạo giảng dạy đã cam kết tập trung PD vào việc viết. Điều này sẽ được thực hiện bằng cách có hai phiên PD kéo dài 1 giờ mỗi tháng. Ngoài ra, chúng tôi đã được đào tạo với các chuyên gia về chương trình giảng dạy của học khu về các cuộc nói chuyện về toán học và đọc viết sớm (SIPPS) và Cách thức hoạt động của tiếng Anh (ELD). Kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho ngày 22-23 bao gồm 18 ngày một phần.

Các chủ đề Phát triển Chuyên môn cho Nhân viên tại Thorpe có thể bao gồm những nội dung sau cùng thời lượng ước tính cho mỗi khóa đào tạo.

- Toán học Biểu thức bao gồm Dự án Toán học Irvine cùng Think Central (1 giờ)
- Luyện đọc nhanh (AR) (0,5 giờ)
- Viết (1 giờ)
- Thinking Maps (3 giờ)
- Đánh giá Toán học Delta - Công cụ Chẩn đoán Toán học (1 giờ)
- Can Thiệp và Hỗ Trợ Hành Vi Tích Cực (PBIS) (2 giờ)
- Chương trình Giáo dục Năng khiếu và Tài năng (GATE) (0,5 giờ)
- Phân tích dữ liệu MAP và Sử dụng dữ liệu để điều khiển hướng dẫn (1 giờ)
- Giảng dạy phân hóa - giảng dạy theo nhóm nhỏ (0,5 giờ)
- ELD được chỉ định (1,5 giờ) Thấm định Quân bình Thông minh hơn (SBAC) (1 giờ)
- Thấm định Khả năng Thông thạo Anh ngữ tại California (ELPAC) (1 giờ)
- Phương thức Thực hành An toàn và Phong tỏa Trường học (1 giờ)
- Math Talks (2,5 giờ)

Học khu Thống nhất Santa Ana cung cấp các khóa đào tạo bổ sung và phương thức hỗ trợ nhằm triển khai chương trình mới cũng như chương trình đang diễn ra. Các nhân viên của Thorpe được tiếp cận với nhiều cơ hội phát triển chuyên môn do trường cung cấp trong suốt năm học và được nhà trường khuyến khích tham dự.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Phát triển Chuyên môn

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên	4	16	18